|  |  |
| --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /QĐ-UBND  (Dự thảo) | *An Giang, ngày tháng năm 20* |

**QUYẾT ĐỊNH**

**Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định** **chính sách** **hỗ trợ** **phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của**

**Ủy ban nhân dân tỉnh**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 52/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về phát triển ngành nghề nông thôn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.*

**QUYẾ****T ĐỊNH:**

**Điều 1.** **Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định chính sách** **hỗ trợ** **phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 23/2020/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang:**

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 4 như sau:

“ **Điều 4. Nguồn kinh phí và nguyên tắc sử dụng kinh phí**

1. Nguồn kinh phí:

- Ngân sách địa phương hỗ trợ kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành;

- Lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các nguồn tài chính hợp pháp khác đểthực hiện hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn và làng nghề trên địa bàn tỉnh”.

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“**Điều 9. Đào tạo nhân lực**

3. Trường hợp đối tượng đã được hỗ trợ cùng một nội dung tại khoản 1, 2 Điều này từ ngân sách nhà nước thì không được hưởng hỗ trợ chính sách tại Điều này”.

3. Sửa đổi, bổ sung điểm đ khoản 1 và khoản 2 Điều 10 như sau:

“**Điều 10. Hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn**

1. Dự án ngành nghề nông thôn

đ) Dự án và dự toán kinh phí hỗ trợ: Cơ quan quản lý nhà nước về nông nghiệp và phát triển nông thôn địa phương lập dự án và dự toán kinh phí hỗ trợ phát triển ngành nghề nông thôn gửi sở, ban, ngành có liên quan góp ý, tổng hợp trình cơ quan có thẩm quyền cùng cấp phê duyệt.

2. Nguồn kinh phí hỗ trợ dự án phát triển ngành nghề nông thôn từ nguồn ngân sách địa phương, nguồn lồng ghép các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án thuộc các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình phát triển kinh tế - xã hội và các nguồn tài chính hợp pháp khác”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và khoản 2 Điều 11 như sau:

“**Điều 11. Hỗ trợ phát triển làng nghề**

1. Các nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận mới đạt tiêu chí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP được hỗ trợ một lần 50 triệu đồng/ nghề truyền thống, làng nghề, làng nghề truyền thống để xây dựng phương án bảo vệ môi trường, làm hồ sơ đề nghị công nhận và tổ chức lễ công bố. Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước (trừ nguồn kinh phí sử dụng từ nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới áp dụng định mức theo quy định hiện hành).

2.Các làng nghề được Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận đạt tiêu chí theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 52/2018/NĐ-CP, xây dựng biển quảng bá, cổng làng nghề gồm biển hiệu, vật liệu xây dựng kiên cố được hỗ trợ không quá 50 triệu đồng/ làng nghề. Nguồn kinh phí ngân sách Nhà nước”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 20....

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành có liên quan, Chủ tịch UBND huyện, thị xã và thành phố, các cơ quan, đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như Điều 3;  - Bộ Nông nghiệp và PTNT;  - Cục kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;  - Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;  - TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQ VN tỉnh;  - Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;  - UBND huyện, thị xã, thành phố;  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;  - Trung tâm CBTH tỉnh;  - LĐ VPUBND tỉnh;  - Phòng: KTN, HCTC;  -Lưu: VT, SNNPTNT. | **TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  **CHỦ TỊCH** |